

Phiếu ĐKXT số:

(Phần dành cho HDTS ghi)

**PHIẾU ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN ĐẠI HỌC CHÍNH QUY
NĂM 2015**

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Họ và tên thí sinh: 2. Giới tính: Nam Nữ

3. Ngày, tháng, năm sinh:/...../..... 4. Dân tộc:

5. Giấy chứng minh nhân dân số:

6. Hộ khẩu thường trú:

Quận/Huyện:

Tỉnh/Thành phố:

Mã

| | |
|--|--|
| | |
|--|--|

| | |
|--|--|
| | |
|--|--|

7. Nơi học trung học phổ thông (THPT) hoặc tương đương

Mã tỉnh

Mã trường

Năm lớp 10:

| | |
|--|--|
| | |
|--|--|

| | | | |
|--|--|--|--|
| | | | |
|--|--|--|--|

Năm lớp 11:

| | |
|--|--|
| | |
|--|--|

| | | | |
|--|--|--|--|
| | | | |
|--|--|--|--|

Năm lớp 12:

| | |
|--|--|
| | |
|--|--|

| | | | |
|--|--|--|--|
| | | | |
|--|--|--|--|

8. Năm tốt nghiệp THPT:

B. THÔNG TIN XÁC ĐỊNH ƯU TIÊN TRONG TUYỂN SINH

9. Đối tượng ưu tiên (nếu có):

10. Khu vực:

11. Ưu tiên xét tuyển (nếu có):

KV3 KV2 KV2-NT KV1

C. THÔNG TIN ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN

12. Thời gian tham dự kỳ thi đánh giá năng lực: Tháng: Năm:

13. Số báo danh:

| | | | | | |
|--|--|--|--|--|--|
| | | | | | |
|--|--|--|--|--|--|

14. Điểm bài thi đánh giá năng lực:

| | |
|--|--|
| | |
|--|--|

+

| | |
|--|--|
| | |
|--|--|

+

| | |
|--|--|
| | |
|--|--|

hoặc

| | |
|--|--|
| | |
|--|--|

=

| | | | |
|--|--|--|--|
| | | | |
|--|--|--|--|

TDĐL

TDĐT

KHTN

KHXH

TỔNG

15. Điểm bài thi môn ngoại ngữ:

Môn thi: Mã:

Điểm:

16. Đăng ký xét tuyển

Trường đại học thành viên hoặc Khoa trực thuộc: Mã

Ngành học 1:

Ngành học 2:

Ngành học 3:

D. THÔNG TIN LIÊN LẠC

17. Họ và tên: Điện thoại: Email:

18. Địa chỉ:

Tôi xin cam đoan những thông tin trên là đúng và cam kết thực hiện đúng Quy chế tuyển sinh đại học chính quy hiện hành của Đại học Quốc gia Hà Nội.

Ngày tháng năm 2015

NGƯỜI NHẬN HỒ SƠ

(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày tháng năm 2015

NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN

(Ký và ghi rõ họ tên)

Chú ý: Xem Hướng dẫn ghi phiếu đăng ký xét tuyển ở trang tiếp theo.

**HƯỚNG DẪN GHI PHIẾU
ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN ĐẠI HỌC CHÍNH QUY NĂM 2015**

1. Họ và tên: *Ghi bằng chữ in hoa có dấu.*
2. Giới tính: *Đánh dấu X vào ô tương ứng.*
3. Ngày, tháng, năm sinh: *Nếu ngày và tháng nhỏ hơn 10 thì ghi thêm số 0 ở trước, ví dụ: 01/01/1997.*
4. Dân tộc: *Ghi tên dân tộc.*
5. Giấy Chứng minh nhân dân số: *Ghi đủ các chữ số theo đúng giấy Chứng minh nhân dân.*
6. Hộ khẩu thường trú: *Ghi rõ tên quận/huyện, tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương và ghi mã vào ô trống.*
7. Nơi học trung học phổ thông (THPT) hoặc tương đương: *Ghi tên trường và địa chỉ trường THPT: quận/huyện, tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương và ghi mã tỉnh, mã trường vào ô trống.*
8. Năm tốt nghiệp THPT: *Ghi 4 chữ số, ví dụ: 2015.*
9. Đối tượng ưu tiên (nếu có): *Ghi số tương ứng với đối tượng ưu tiên vào ô trống theo quy định trong Quy chế tuyển sinh ĐH, CĐ hệ chính quy hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo, ví dụ: thuộc đối tượng 01 thì ghi

| | |
|---|---|
| 0 | 1 |
|---|---|

. Thí sinh phải nộp giấy chứng nhận ưu tiên kèm theo.*
10. Khu vực: *Đánh dấu X vào ô tương ứng.*
11. Ưu tiên xét tuyển (nếu có): *Đánh dấu X vào ô trống nếu thí sinh không dùng quyền tuyển thẳng. Thí sinh phải nộp các giấy tờ minh chứng là đối tượng được xét tuyển thẳng theo quy định trong Quy chế tuyển sinh ĐH, CĐ hệ chính quy hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo kèm theo.*
12. Thời gian tham dự kỳ thi đánh giá năng lực tháng năm: *Ghi tháng, năm dự thi vào ô trống. Nếu tháng nhỏ hơn 10 thì ghi thêm số 0 ở ô đầu.*
13. Số báo danh: *Ghi đầy đủ 5 chữ số của số báo danh vào ô trống.*
14. Điểm bài thi đánh giá năng lực: *Ghi vào ô trống đúng theo Giấy báo kết quả thi.*
15. Điểm bài thi môn ngoại ngữ: *Dành cho thí sinh đăng ký xét tuyển vào trường ĐH Ngoại ngữ.
Môn thi: Ghi tên môn thi và ghi mã vào ô trống. Tên môn thi và mã tương ứng được quy định như sau:
Tiếng Anh: 1; Tiếng Nga: 2; Tiếng Pháp: 3; Tiếng Trung Quốc: 4; Tiếng Đức: 5; Tiếng Nhật: 6.
Điểm: Ghi vào ô trống đúng theo Giấy báo kết quả thi. Ghi phần nguyên vào ô thứ nhất, ghi phần thập phân vào 3 ô tiếp theo (với điểm dưới 10); ghi điểm vào 2 ô đầu, bỏ trống 2 ô tiếp theo (với điểm 10). Ví dụ: điểm 6,625 thì ghi

| | | | |
|---|---|---|---|
| 6 | 6 | 2 | 5 |
|---|---|---|---|

; điểm 7 thì ghi

| | | | |
|---|---|---|---|
| 7 | 0 | 0 | 0 |
|---|---|---|---|

; điểm 10 thì ghi

| | | | |
|---|---|--|--|
| 1 | 0 | | |
|---|---|--|--|*
16. Đăng ký xét tuyển:
Trường đại học thành viên hoặc Khoa trực thuộc: *Ghi tên trường đại học thành viên hoặc khoa trực thuộc và ghi mã vào ô trống. Tên trường đại học thành viên, khoa trực thuộc và mã tương ứng được quy định như sau: Trường ĐH Khoa học Tự nhiên: QHT; Trường ĐH Khoa học Xã hội và Nhân văn: QHX; Trường ĐH Ngoại ngữ: QHF; Trường ĐH Công nghệ: QHI; Trường ĐH Kinh tế: QHE; Trường ĐH Giáo dục: QHS; Khoa Luật: QHL; Khoa Y Dược: QHY; Khoa Quốc tế: QHQ.*
Ngành học 1, Ngành học 2, Ngành học 3: *Ghi tên ngành học và ghi mã vào ô trống. Thí sinh được đăng ký xét tuyển tối đa 3 ngành học theo thứ tự ưu tiên và chỉ được đăng ký các ngành học của trường đại học thành viên hoặc khoa trực thuộc đã đăng ký ở trên.*
17. Họ và tên Điện thoại Email: *Ghi thông tin của người nhận thông báo kết quả xét tuyển của thí sinh.*
18. Địa chỉ: *Ghi địa chỉ của người nhận thông báo kết quả xét tuyển ở mục 17. Ghi đầy đủ số nhà, ngõ, ngách, xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố.*

Lưu ý: - Thí sinh chỉ được nộp một hồ sơ đăng ký xét tuyển.
- Trong thời gian quy định nhận hồ sơ ĐKXT, thí sinh được phép 1 lần rút hồ sơ để nộp vào ngành khác của đơn vị đào tạo đã nộp hoặc đơn vị đào tạo khác trong ĐHQGHN. Trong trường hợp này, thí sinh phải làm đơn xin rút hồ sơ (theo mẫu) và nộp lại cùng với Phiếu đăng ký xét tuyển mới.